

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT  
QUÝ 3 NĂM 2009**

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

*DVT: VNĐ*

STT	NỘI DUNG	Số dư đầu kỳ 01/07/2009	Số dư cuối kỳ 30/09/2009
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>109.796.598.944</b>	<b>137.050.094.861</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.531.418.753	1.505.772.755
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.591.386.758	3.791.386.758
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	21.236.216.965	30.364.571.729
4	Hàng tồn kho	25.493.566.730	30.023.533.383
5	Tài sản ngắn hạn khác	58.944.009.738	71.364.830.236
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>106.114.231.021</b>	<b>106.578.349.838</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	93.689.540.019	93.402.889.982
	- Tài sản cố định hữu hình	87.827.434.291	90.783.076.079
	- Tài sản cố định vô hình	2.638.556.115	2.619.813.903
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.223.549.613	-
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	12.424.691.002	13.175.459.856
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>215.910.829.965</b>	<b>243.628.444.699</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>143.746.878.074</b>	<b>165.901.682.273</b>
1	Nợ ngắn hạn	96.182.305.676	119.831.906.826
2	Nợ dài hạn	47.564.572.398	46.069.775.447
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>72.163.951.891</b>	<b>77.726.762.426</b>
1	Vốn chủ sở hữu	<b>72.163.951.891</b>	<b>77.726.762.426</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	35.000.000.000	35.000.000.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	641.955.105	641.955.105
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.521.996.786	7.084.807.321
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
2	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	-	-
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	-
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>215.910.829.965</b>	<b>243.628.444.699</b>



**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**

**ĐVT: VND**

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.269.395.402	164.085.811.186
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	294.096.437	512.272.718
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>65.975.298.965</b>	<b>163.573.538.468</b>
4	Giá vốn hàng bán	52.403.342.330	134.646.869.790
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>13.571.956.635</b>	<b>28.926.668.678</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	93.833.338	701.838.053
7	Chi phí tài chính	3.405.620.404	9.886.896.684
8	Chi phí bán hàng	1.738.688.111	4.942.141.501
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.662.735.226	7.892.579.952
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>5.858.746.232</b>	<b>6.906.888.594</b>
11	Thu nhập khác	20.991.071	539.246.801
12	Chi phí khác	8.579.228	314.912.382
13	Lợi nhuận khác	<b>12.411.843</b>	<b>224.334.419</b>
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>5.871.158.075</b>	<b>7.131.223.013</b>
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	308.347.540	375.024.004
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.562.810.535	6.756.199.009
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.589</b>	<b>1.930</b>
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

**THUYẾT MINH:**

- Kết quả kinh doanh Quý II/2009 Công ty lãi: 1.716.312.351đ, lợi nhuận trước thuế Quý III/2009 : là 5.871.158.075đ tăng 242,08%, tổng lợi nhuận trước thuế 9 tháng: 7.131.223.013 đạt 74% kế hoạch lợi nhuận năm 2009

- Nguyên nhân:

Dây chuyền sản xuất bao bì hiện đại mới công suất gấp 3 lần dây chuyền hiện tại, đã chính thức hoạt động mang lại doanh số và lợi nhuận ổn định bước đầu cho Saplastic trong hai tháng đầu quý III.



Lập biểu

Lê Thị Lý

Kế toán trưởng

Phạm Tiến Đồng

Ngày 17 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc



DƯƠNG QUỐC THÁI